

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CĂN CỨ CHẤM DỨT SỬ DỤNG DI SẢN DÙNG VÀO VIỆC THỜ CÚNG

■ NGUYỄN LONG BÌNH* & ĐÀM THỊ THU HÀ**

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật về căn cứ chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng qua các thời kỳ và thực tiễn áp dụng pháp luật qua công tác xét xử của Tòa án đối với tranh chấp liên quan đến chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng, từ đó, đưa ra một số gợi mở nhằm hoàn thiện chế định này.

Từ khóa: Di sản dùng vào việc thờ cúng; thừa kế; di sản thừa kế.

Nhận bài: 04/4/2025

Hoàn thành biên tập: 22/4/2025

Duyệt đăng: 05/5/2025

COMPLETING THE LEGAL REGULATIONS ON THE BASIS OF TERMINATING THE USE OF HERITAGE FOR WORSHIPPING

Abstract: The article studies and analyzes legal provisions on the basis of termination of the use of heritage for worshipping purposes over time and the practical application of the law through the court's adjudication of disputes related to the termination of the use of heritage for worshipping purposes, thereby providing some suggestions to improve this institution.

Keywords: Heritage for worshipping purposes; inheritance; inheritance heritage.

Article received: 04/4/2025

Editing completed: 22/4/2025

Approved for publication: 05/5/2025

Đặt vấn đề

Chế định pháp luật về di sản dùng vào việc thờ cúng là chế định phản ánh truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam từ xưa tới nay. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy, việc giải quyết tranh chấp liên quan đến di sản thờ cúng gặp nhiều khó khăn do những hạn chế trong quy định pháp luật. Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ ghi nhận một trường hợp duy nhất dẫn đến chấm dứt di sản dùng vào việc thờ cúng, đó là “trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật”. Trong khi, thực tế phát sinh nhiều tình huống khác như di sản bị

thu hồi, các đồng thừa kế thống nhất không tiếp tục sử dụng vào mục đích thờ cúng... nhưng pháp luật chưa có quy định để điều chỉnh. Điều này dẫn đến khó khăn, bất cập trong giải quyết tranh chấp liên quan đến chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng.

1. Căn cứ chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng theo pháp luật Việt Nam

Di sản dùng vào việc thờ cúng được ghi nhận trong văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam từ thời phong kiến đến nay, với những quy định thay đổi qua từng giai đoạn. Thời kỳ phong kiến, pháp luật đã có những quy định bắt buộc về “hương hỏa”. Đến nay, di sản dùng vào việc thờ cúng tiếp tục được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Công ty Luật TNHH Luật Hùng Bách

** Công ty Luật TNHH MTV Hãng Luật Bạch Tuyết

1.1. Thời kỳ phong kiến

Trong giai đoạn này, di sản dùng vào việc thờ cúng được quy định trong Bộ luật Hồng Đức¹ và Bộ luật Gia Long².

Bộ luật Hồng Đức cho phép chấm dứt việc dùng ruộng đất hương hỏa của cao tổ đã qua 05 đời dùng vào mục đích để tang, thờ cúng. Tuy nhiên, ruộng đất này cũng không được chia hoặc đem bán (Điều 399, Điều 400 Bộ luật Hồng Đức). Ngoài ra, Bộ luật Hồng Đức có đề cập đến trường hợp, nếu như phần tài sản của người để lại ít, trong khi con cháu nhiều và những người này đồng thuận không sử dụng tài sản này vào việc thờ cúng thì di sản này có thể được “tùy tiện chia” - chia theo ý chí chung (Điều 390).

Bộ luật Gia Long có rất ít quy định về việc thừa kế cũng như quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng. Bộ luật này quy định về căn cứ xác lập di sản dùng vào việc thờ cúng, tỉ lệ di sản dùng vào việc thờ cúng, loại di sản dùng vào việc thờ cúng, người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng. Tuy nhiên, Bộ luật này không quy định về căn cứ chấm dứt việc sử dụng di sản vào việc thờ cúng.

Có thể thấy, nếu như Bộ luật Hồng Đức đã có những quy định rõ về căn cứ chấm dứt việc sử dụng di sản vào việc thờ cúng thì Bộ luật Gia Long chỉ tập trung vào việc xác lập và quản lý mà không có quy định về việc chấm dứt. Tuy nhiên, những quy định này đều có giá trị tham khảo, nghiên cứu để phát triển pháp luật về di sản dùng vào việc thờ cúng.

1.2. Giai đoạn từ sau thời kỳ phong kiến đến trước năm 1990

1.2.1. Giai đoạn trước năm 1945

Sau thời kỳ phong kiến, các quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng tiếp tục được ghi nhận, như Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931, Bộ Dân luật Trung Kỳ năm 1936.

Tại Điều 433 Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931 quy định 03 trường hợp chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng, gồm: (i) khi trong dòng họ không còn người đàn ông nào làm thừa kế nữa; (ii) khi cải dụng những tài sản về hương hỏa đã qua 05 đời³, do đại hội đồng gia tộc đã quyết định; (iii) khi toàn bộ tài sản về hương hỏa bị phá hủy. Con cháu người lập hương hỏa bao giờ cũng có thể lấy một tài sản khác để thay thế cho tài sản bị phá hủy.

Bộ Dân luật Trung Kỳ năm 1936 gần như kế thừa toàn bộ quy định của Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931. Các quy định về căn cứ chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng tại văn bản này cũng tương tự như Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931.

1.2.2. Giai đoạn sau năm 1945

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 cho phép sử dụng Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931, Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936... đến khi ban hành luật mới nếu “những luật lệ ấy không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa”⁴. Do đó,

1. Bộ luật Hồng Đức hay Quốc Triều Hình Luật ban hành năm 1483 dưới thời vua Lê Thánh Tông.

2. Bộ luật Gia Long (Hoàng Việt Luật Lệ) soạn thảo xong vào năm 1812 với bài Tựa của vua Gia Long và được khắc in, cho phát hành vào năm 1813.

3. Điều thứ 436 Bộ Dân luật Bắc Kỳ năm 1931 quy định: “Của hương hỏa truyền vô cùng trong tôn tộc, quá năm đời thành ra của tế tự chung cho đồng tông. Tùy hội đồng gia tộc quyết định hoặc giao việc quản trị của tế tự ấy cho người nhiều tuổi nhất trong họ, hoặc luân chuyển giao cho mỗi ngành một lượt để chi tiêu về việc tế lễ trọng. Của hương hỏa do ông tổ lục đại trở lên đã lập ra, thì phải có hội đồng gia tộc cho phép mới được phát mãi”.

4. Điều 1 Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 quy định: “Cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn cõi nước Việt Nam, các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam Bộ vẫn tạm thời giữ nguyên như cũ, nếu những luật lệ ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong Sắc lệnh này”.

các quy định về căn cứ chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng thời kỳ này vẫn duy trì theo các văn bản trước đó.

Đến tháng 6/1955, theo Thông tư số 19/VHH-HS ngày 30/6/1955 của Bộ Tư pháp, các luật lệ của chế độ trước không được áp dụng. Thời kỳ này đã có nhiều văn bản quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng ra đời nhưng chưa có văn bản nào quy định rõ về việc chấm dứt việc sử dụng di sản thừa kế vào việc thờ cúng.

1.3. Giai đoạn từ năm 1990 đến trước ngày 01/7/1996

Trong giai đoạn này, quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng được quy định chủ yếu trong Pháp lệnh Thừa kế được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 30/8/1990 và công bố theo Lệnh số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990.

Đây là văn bản đầu tiên chính thức sử dụng thuật ngữ “di sản dùng vào việc thờ cúng”. Điều 21 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 quy định: “Nếu người lập di chúc có để di sản dùng vào việc thờ cúng thì di sản đó được coi như di sản chưa chia. Khi việc thờ cúng không được thực hiện theo di chúc thì những người thừa kế của người để lại di sản dùng vào việc thờ cúng có quyền hưởng di sản đó. Nếu những người thừa kế đó đều đã chết, thì di sản thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Pháp lệnh này”.

Từ quy định trên, có thể thấy: (i) căn cứ xác lập di sản dùng vào việc thờ cúng phải do ý chí người để lại thông qua hình thức di chúc; việc để lại di sản dùng vào việc thờ cúng không còn bắt buộc như thời kỳ phong kiến; (ii) căn cứ chấm dứt được quy định rõ là việc thờ cúng không thực hiện theo di chúc thì sẽ được phân chia. Như vậy, việc không tuân thủ theo di chúc có thể xuất phát từ lý do người thừa kế không muốn tuân thủ hoặc di sản không còn.

1.4. Giai đoạn từ ngày 01/7/1996 đến nay

Kế thừa quy định trong Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, chế định di sản dùng vào việc thờ cúng được ghi nhận lần lượt tại Điều 673 Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về cơ bản, nội dung quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng trong ba Bộ luật này tương tự nhau về căn cứ chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng. Đó là việc ghi nhận trường hợp mà tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó, là một trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật.

Quy định này vô hình trung bỏ qua các căn cứ có thể dẫn đến chấm dứt khác như di sản không còn tồn tại hay xử lý khi người quản lý di sản không thuộc diện những người thừa kế theo pháp luật thì di sản này thuộc về ai, dẫn tới việc áp dụng pháp luật vào các trường hợp thực tế còn gặp khó khăn, vướng mắc.

2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp của Tòa án về chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng

Có thể thấy, di sản dùng vào việc thờ cúng không được duy trì mãi mà có thời hạn. Thời hạn này phụ thuộc vào hai yếu tố: “những người thừa kế theo di chúc đều đã chết” và phần di sản sẽ thuộc về “người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật”. Như vậy, theo luật định, để chấm dứt di sản dùng vào việc thờ cúng, cần đáp ứng hai điều kiện trên. Trên thực tế, xảy ra một số vấn đề sau:

Một là, trường hợp người quản lý di sản không thuộc hàng thừa kế thì việc xử lý di sản khi chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng như thế nào. Pháp luật hiện chưa có quy định cụ thể cho trường

hợp này. Trên thực tế, người để lại di chúc có thể chỉ định một trong những người thừa kế có trách nhiệm quản lý và cũng có thể chỉ định một người ngoài phạm vi hàng thừa kế mà họ tin tưởng để quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng. “Để giải quyết di sản dùng trong trường hợp này, cần thiết phải căn cứ vào nguyên tắc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản dùng vào việc thờ cúng, vì sự kiện pháp lý phát sinh khi tất cả người thừa kế theo di chúc đều đã chết, phần di sản này được đem chia theo pháp luật”⁵. Có hai cách giải quyết trong trường hợp này: (i) phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật; (ii) các đồng thừa kế cùng nhau thỏa thuận để tiếp tục duy trì mục đích thờ cúng sẽ bảo đảm được ý chí của người để lại di sản ban đầu, phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Hai là, không xác định được người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng trong các trường hợp: (i) người được giao quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng đã chết nhưng không có người thừa kế hoặc người thừa kế của người này từ chối việc tiếp nhận việc thờ cúng; hoặc (ii) không xác định được người được giao quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng theo ý chí của người để lại di sản và những người được hưởng di sản.

Tuy nhiên, Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa đưa ra hướng giải quyết cụ thể đối với các trường hợp này. Vấn đề đặt ra, đây có thể coi là căn cứ chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng

hay không? Thực tiễn cho thấy, đối với trường hợp người được giao quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng đã chết nhưng không có người thừa kế hoặc người thừa kế của người này từ chối việc tiếp nhận việc thờ cúng, tại Bản án số 91/2021/DS-GĐT ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao⁶, Tòa án xác định trường hợp này, việc sử dụng di sản vào việc thờ cúng chấm dứt.

Có ý kiến cho rằng, nếu coi việc không có người thực hiện quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là căn cứ chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng là làm trái với ý chí của người để lại di sản, nhưng nếu không coi đây là căn cứ chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng thì lại gặp khó khăn trong việc thực hiện thờ cúng theo ý nguyện của người để lại di sản vì không còn ai tiến hành thờ cúng⁷.

Từ góc độ pháp lý và thực tiễn, quyết định của Tòa án trong trường hợp này là hợp lý, vì: (i) trường hợp không có người thực hiện việc thờ cúng, mục đích ban đầu của người để lại di sản sẽ không thể thực hiện, điều này làm mất đi giá trị tâm linh và văn hóa của di sản, vốn là một yếu tố quan trọng khi di sản được để lại với mục đích thờ cúng; (ii) trường hợp không có người quản lý hoặc sử dụng tài sản, tài sản sẽ bị bỏ hoang và lãng phí, không còn mang lại lợi ích thực tế cho các bên thừa kế hoặc cộng đồng.

Việc thừa nhận tình trạng “không có người quản lý” như một căn cứ để chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng là cần thiết trong thực tế,

5. Phùng Trung Tập (2013), “*Từ quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng và di tặng*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 9, tr. 38.

6. Cụ thể bản án như sau: Ông M là người được giao quản lý di sản vào việc thờ cúng là một quyền sử dụng đất. Sau đó, ông M đã chết, những người thừa kế của ông M không đồng ý tiếp nối việc thờ cúng tổ tiên. Tòa án xác định có thể chia di sản thừa kế dùng vào việc thờ kế trên.

7. PGS. TS. Đỗ Văn Đại (2022), “*Luật thừa kế Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tái bản lần thứ 5, tập 1*”, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam, Hà Nội, tr. 840.

giúp bảo đảm sự vận hành hợp lý của tài sản, đồng thời, tránh tình trạng không có sự quản lý, gây ảnh hưởng đến mục đích sử dụng di sản theo ý nguyện của người để lại di sản.

Ba là, trên thực tế, tồn tại hình thức chấm dứt mục đích thờ cúng do chính người để lại di chúc quy định. Theo đó, trong di chúc, người lập quy định cho phép người thừa kế có quyền chấm dứt mục đích thờ cúng cha mẹ khi có sự đồng ý của các người thừa kế khác trong di chúc.

Ví dụ⁸, trong vụ án tranh chấp về thừa kế giữa nguyên đơn là bà L và bị đơn là ông S, cụ C có lập di chúc với nội dung giao toàn bộ nhà đất (thuộc sở hữu chung của vợ chồng cụ C và cụ S1) cho bà L quản lý để thờ cúng cha mẹ, nếu muốn bán phải được sự đồng ý của 09 anh, chị, em là các đồng thừa kế còn lại. Sau khi cụ C chết, bà L tiếp quản di sản và có cho ông S về ở chung. Tranh chấp về thừa kế phát sinh giữa ông S cùng các đồng thừa kế khác với bà L. Tại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định: di chúc này do bà L1 (01 trong 10 đồng thừa kế di sản của ông S1, bà C) lập, có sự chứng kiến và chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, di chúc của bà C để lại hợp pháp một phần. Tuy nhiên, khi nhận di sản dùng vào việc thờ cúng mà bà C để lại, bà L đã không thực hiện đúng di nguyện của bà C trong việc thực hiện nghĩa vụ thờ cúng cha mẹ. Bản thân bà L cũng không chứng minh được việc không thực hiện nghĩa vụ là bất khả kháng. Do đó, Bản án dân sự sơ thẩm số 1209/2014/DS-ST ngày 08/10/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Bản án dân sự sơ thẩm) đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của bà L trong việc xác định di sản để lại là tài

sản chung của 10 người con của bà C; mỗi người được xác định phần quyền sở hữu là 1/10 đối với tài sản chung này. Bản án dân sự sơ thẩm cũng tuyên chấp nhận yêu cầu của 08 đồng thừa kế, tuyên giao di sản dùng vào việc thờ cúng cho ông S để ở và thờ cúng cha mẹ, nếu bán phải được sự đồng ý của 09 đồng thừa kế còn lại. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2015/DS-PT của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng giữ nguyên quyết định trên của Bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà L giao lại di sản cho ông S thờ cúng, nếu bán phải được sự đồng ý của 09 đồng thừa kế còn lại.

Như vậy, thực tiễn xét xử đã hướng đến công nhận quyền chấm dứt việc thờ cúng của chính người để lại di sản.

Bốn là, trường hợp di sản dùng vào việc thờ cúng không còn. Thực tiễn cho thấy, di sản được định đoạt để thờ cúng có thể không còn tồn tại hoặc mất giá trị sử dụng theo thời gian dẫn đến việc mục đích thờ cúng không thể đạt được.

Đối với tài sản là động sản như tủ thờ, bàn thờ, đồ thờ cúng, nếu bị hư hỏng, xuống cấp hoặc mất giá trị sử dụng, việc tiếp tục dùng vào mục đích thờ cúng sẽ không còn khả thi. Trường hợp này, những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc thay thế hoặc không sử dụng các tài sản này.

Đối với tài sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất nhưng bị Nhà nước thu hồi thì việc thờ cúng có tiếp tục thực hiện được hay không. Vấn đề này, pháp luật hiện chưa quy định, dẫn đến tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng, trong trường hợp này, vì di sản dùng vào việc thờ cúng đã bị thu hồi, người được chỉ định thờ cúng không còn nghĩa vụ thờ cúng nên chia số tiền bồi thường. Quan

8. Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2015/DS-PT ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân tối cao.

điểm thứ hai cho rằng, trong trường hợp này, vì di sản dùng vào việc thờ cúng bị thu hồi thì người được chỉ định trong di chúc vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thờ cúng và dùng số tiền được bồi thường để thờ cúng nên không chia số tiền bồi thường⁹. Nghiên cứu cho thấy, cách hiểu theo quan điểm thứ hai là hợp lý, vì tôn trọng ý chí của người để lại di sản.

Ví dụ¹⁰, cụ PT (chết năm 1997) trước khi qua đời, đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà, đất dùng vào việc thờ cúng cụ PT và 02 liệt sỹ là con của cụ PT. Người được chỉ định quản lý, sử dụng nhà đất để ở và thờ cúng là cụ N và con gái là bà H; khi cụ N, bà H qua đời, ông T1 được giao quản lý, sử dụng nhà đất để tiếp tục thực hiện việc thờ cúng.

Trên thực tế, sau khi quản lý, phân di sản phải giao mặt bằng cho chính quyền mở rộng Quốc lộ 1A, cụ N và bà H phải tháo dỡ ngôi nhà của cụ PT xây dựng để giao 157m² đất cho chính quyền. Năm 2018, cụ N và bà H đã xây dựng lại ngôi nhà sau khi Nhà nước thu hồi đất và bồi thường 456.269.725 đồng. Theo kết quả thẩm định giá, tổng giá trị vật kiến trúc được xây dựng trên phần đất còn lại là 537.566.410 đồng. Như vậy, giá trị của ngôi nhà được xây dựng nhiều hơn số tiền cụ N, bà H đã nhận bồi thường là 81.296.685 đồng, nên hoàn toàn phù hợp với nội dung di chúc của cụ PT “tuyệt đối không được để mất ngôi nhà”.

Tòa án nhận định, theo ý chí của cụ PT tại di chúc thì cụ N, bà H được ở hết đời cho đến khi cụ N, bà H chết. Hiện nay, cụ N, bà H còn sống; trường hợp sau khi cụ N, bà H chết thì di sản của

cụ PT được giao cho ông T1, để ông T1 thực hiện nghĩa vụ thờ cúng cụ PT. Căn cứ các điều 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660, 670, 673 Bộ luật Dân sự năm 1995, đây là quyền của người để lại di sản - cụ PT và nghĩa vụ của người được giao quản lý di sản - cụ N, bà H khi còn sống, sau khi cụ N, bà H chết thì ông T1 phải thực hiện theo ý chí của cụ PT theo di chúc. Bản án sơ thẩm xác định bản di chúc hợp pháp là đúng.

Thực tiễn xét xử cho thấy, Tòa án giải quyết theo hướng, di sản (tiền bồi thường) được tiếp tục sử dụng vào mục đích thờ cúng và không phân chia.

3. Đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật

Trong thực tế tồn tại nhiều trường hợp xảy ra làm cho di sản không còn hoặc ý chí của những người thừa kế không muốn tiếp tục bị ràng buộc phải thờ cúng chung thì quy định hiện hành về chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng chỉ có một căn cứ duy nhất là chưa hợp lý nên cần được sửa đổi, bổ sung. Cụ thể:

Thứ nhất, thời hạn sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng. Pháp luật quy định di sản dùng vào việc thờ cúng có thời hạn nhưng để áp dụng phải đáp ứng điều kiện các thừa kế theo di chúc đều đã chết.

Về vấn đề này, có đề xuất: “Pháp luật nên quy định thời hạn sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng để tránh sự xáo trộn trong việc sử dụng di sản đó và đồng thời cũng ngăn chặn những tranh chấp về di sản dùng vào việc thờ cúng của dòng họ”¹¹. Do đó, nghiên cứu đề xuất thời hạn có thể là không quá 05 đời, điều này cũng phù hợp với luật

9. Mộng Linh (2021), “*Di sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất bị nhà nước thu hồi, tiền bồi thường được chia cho những người thừa kế?*”, https://vksnd.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/8574659, truy cập ngày 26/01/2025.

10. Bản án dân sự phúc thẩm số 130/2020/DS-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

11. Phùng Trung Tập (2013), *tlđđ*, tr. 38.

tục Việt Nam là việc chịu tang cho người đã khuất chỉ dừng lại ở đời thứ năm.

Thứ hai, chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng theo sự thỏa thuận của những người thuộc hàng thừa kế. Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 đề cập đến hai căn cứ chấm dứt sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng. Một trong hai căn cứ đó là “khi việc thờ cúng không được thực hiện theo di chúc”, điều này có nghĩa, các đồng thừa kế không muốn thực hiện theo di chúc hoặc khi người quản lý mất không có người nào đồng ý thực hiện tiếp việc thờ cúng. Căn cứ xác lập có tồn tại việc các đồng thừa kế thỏa thuận xác lập cũng cần cho phép tất cả đồng thừa kế thống nhất không thực hiện theo di chúc. Tuy nhiên, nếu để các đồng thừa kế không thực hiện theo ý nguyện của người để lại di sản thì không phù hợp với truyền thống, phong tục, tập quán và đi ngược với quy định về di chúc là buộc các bên phải tuân thủ ý chí của người để lại di sản. Vì vậy, việc các bên thỏa thuận là hợp lệ nếu trong di chúc người để lại di sản cho phép những người thừa kế theo di chúc được phép thỏa thuận không sử dụng di sản vào việc thờ cúng.

Thứ ba, trường hợp bất khả kháng. Trong một số trường hợp di sản không còn vì lý do khách quan từ phía cơ quan nhà nước như thu hồi quyền sử dụng đất thì cũng là căn cứ nên được đưa vào để chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng nếu các đồng thừa kế không có thỏa thuận khác.

Từ các vấn đề trên, nghiên cứu đề xuất hướng hoàn thiện quy định về căn cứ chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng như sau:

- Đã duy trì qua 05 đời tính từ khi được xác lập dùng vào mục đích thờ cúng, di sản sẽ thuộc về người đang quản lý hợp pháp;

- Do các đồng thừa kế thỏa thuận trong trường hợp di chúc cho phép đồng thừa kế được

quyền thỏa thuận chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng;

- Di sản không còn vì sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan mà không phải do người quản lý hay người thừa kế gây ra.

Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật qua từng thời kỳ và thực tiễn xét xử của Tòa án, bài viết phân tích một số vấn đề liên quan đến căn cứ chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng. Tuy pháp luật hiện hành đã quy định về di sản thờ cúng nhưng còn những “khoảng trống” nhất định dẫn đến việc giải quyết tranh chấp gặp khó khăn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật, trong đó, nhấn mạnh việc bổ sung quy định về thời hạn sử dụng di sản thờ cúng trên cơ sở phong tục, tập quán, cũng như việc ghi nhận quyền thỏa thuận của các đồng thừa kế trong việc chấm dứt sử dụng di sản vào việc thờ cúng nhằm bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với thực tế □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mộng Linh (2021), “*Di sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất bị nhà nước thu hồi, tiền bồi thường được chia cho những người thừa kế?*”, https://vksnd.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/8574659, truy cập ngày 26/01/2025.

2. PGS.TS. Đỗ Văn Đại (2022), “*Luật thừa kế Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tái bản lần thứ 5, tập 1*”, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.

3. Phùng Trung Tập (2013), “*Từ quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng và di tặng*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 9.

4. TS. Nguyễn Ngọc Điện (2001), “*Bình luận khoa học về thừa kế trong Luật Dân sự Việt Nam*”, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.